

Bản án số: 351/2024/HSPT

Ngày: 31 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tân Long

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường

ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 264/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Kim T** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1263/2024/QĐXXPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Kim T (tên gọi khác: không có), sinh ngày 14 tháng 7 năm 1996 tại tỉnh Thanh Hoá; căn cước công dân số 038096012376, cấp ngày 16/12/2021; nơi cư trú và chỗ ở: **Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Kim M** và bà **Hà Thị N**; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: có 01 tiền án: tại Bản án số 29/2020/HS – ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/7/2020 về tội “Chứa chấp tài sản do người khác

phạm tội mà có”, bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/10/2023 đến ngày 13/10/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn; bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, đường N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Số A, đường N, phường Đ, thành phố Đ, Quảng Bình; vắng mặt
3. Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: N, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt
4. Chị Lê Thị Hồng N1, sinh năm 1997; địa chỉ: Số A, đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt
5. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường Đ, thành phố Đ, Quảng Bình; vắng mặt
6. Chị Nguyễn Thị Huyền T2, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã Q, Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
7. Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 2005; địa chỉ: thôn C, xã H, Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
8. Chị Đinh Thị B1, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã T, Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
9. Chị Cao Thị Thùy T3, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn N, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt
10. Chị Phan Thị H2, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt
11. Chị Dương Thị Bình H3, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt
12. Chị Trần Thị Hồng M1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn F, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
13. Chị Nguyễn Thị Kim H4, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt
14. Chị Nguyễn Thị Lê T4, sinh năm 1969; địa chỉ: Ngõ A đường L, phường H, thành phố Đ, Quảng Bình; vắng mặt.
15. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố F, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
16. Chị Trần Thị Thanh V, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
17. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; địchỉ: thôn Q, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
18. Chị Nguyễn Thị Ngọc H6, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

19. Chị **Nguyễn Thị Thúy H7**, sinh năm 1977; địa chỉ: **thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; vắng mặt
20. Chị **Trần Thị H8**, năm 1983; địa chỉ: **thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; vắng mặt
21. Chị **Hoàng Thị Lan H9**, sinh năm 1972; địa chỉ: **Thôn T, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; vắng mặt
22. Chị **Hoàng Lê Thanh H10**, sinh năm 1986; địa chỉ: **Ngõ G V, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; vắng mặt
23. Chị **Trần Thị Hồng V1**, sinh năm 1997; địa chỉ: **Thôn A H, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2023 đến ngày 05/10/2023 (thời điểm bị Cơ quan điều tra phát hiện và ngăn chặn), **Nguyễn Kim T** đã thực hiện việc cho vay lãi nặng đối với nhiều người trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; với hình thức vay tín chấp, trả góp theo ngày. **Nguyễn Kim T** đã đăng số điện thoại trên Facebook lấy tên “Hại” kèm số điện thoại để những người vay có nhu cầu vay tiền liên hệ. Khi những người cần vay tiền liên hệ qua điện thoại, **T** đến gặp trực tiếp và thỏa thuận với người vay về định mức gói vay, mức tiền trả góp mỗi ngày, thời gian trả góp, tiền phí của khoản vay, nếu người vay đồng ý thì **T** cho vay. Hằng ngày **T** sẽ trực tiếp đến nhà người vay hoặc điện thoại hẹn địa điểm gặp để thu tiền trả góp theo thỏa thuận hoặc người vay sẽ chuyển khoản qua tài khoản số 8880125006888 mở tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** mang tên **Nguyễn Kim T**. Với phương thức nêu trên, **Nguyễn Kim T** đã cho 23 người vay tiền với 34 lần vay, cụ thể như sau:

1. Chị **Nguyễn Thị T1** vay 04 lần: Lần 1 vào ngày 18/7/2023, chị **T1** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25, ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí là 800.000 đồng. Chị **T1** đã trả xong gói vay với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.750.000 đồng (tiền lãi bất chính là 2.363.014 đồng). Số tiền **T** thu lợi bất chính là 3.163.014 đồng; Lần 2 vào ngày 03/8/2023, chị **T1** vay 10.000.000 đồng cách thức vay như gói 1. Chị **T1** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 3.163.014 đồng; Lần 3 vào ngày 17/8/2023, chị **T1** vay 20.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí là 1.400.000 đồng. Chị **T1** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 6.126.027 đồng; Lần 4 vào ngày 12/9/2023, chị **T1** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi

suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 1.000.000 đồng. Gói vay này chị **T1** mới trả được 02 ngày với số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương với 24 ngày là 3.268.493 đồng.

2. Chị **Nguyễn Thị H1** vay 02 lần: Lần1 vào khoảng đầu tháng 9/2023, chị **H1** vay 5.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 400.000 đồng. Chị **H1** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 1.581.507 đồng; Lần 2 vào ngày 29/9/2023, chị **H1** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 800.000 đồng. Gói vay này chị **H1** mới trả được 06 ngày với số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương với 07 ngày là 1.461.644 đồng.

3. Ông **Nguyễn Quang Đ** vay 02 lần: Lần 1 vào ngày 13/9/2023, anh **Đ** vay 5.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 200.000 đồng. Anh **Đ** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 1.381.507 đồng; Lần 2 vào ngày 04/10/2023, anh **Đ** vay 5.000.000 đồng với cách thức như gói 1. Gói vay này anh **Đ** mới trả được 01 ngày với số tiền 250.000 đồng, số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương với 02 ngày là 294.521 đồng.

4. Chị **Lê Thị Hồng N1** vay 01 lần, vào ngày 22/9/2023, chị **N1** vay 70.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 3.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 2.200.000 đồng. Gói vay này chị **N1** mới trả được 14 ngày với số tiền 49.000.000 đồng, số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương với 14 ngày là 11.463.014 đồng.

5. Chị **Nguyễn Thị Thu H1** vay 1 lần vào ngày 23/9/2023, chị **H1** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500,000đ tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 500.000 đồng. Chị **H1** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng

6. Chị **Nguyễn Thị Huyền T2** vay 2 lần: Lần 1 vào ngày 21/9/2023, chị **T2** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000đ tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 500.000 đồng. Chị **T2** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng; Lần 2 vào ngày 04/10/2023, cho chị **T2** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000đ tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 500.000 đồng. Gói

vay này chị **T2** mới trả được 01 ngày với số tiền 500.000 đồng, số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương với 02 ngày là 689.041 đồng.

7. Chị **Nguyễn Thị Ngọc B** vay 2 lần: Lần 1 vào ngày 05/9/2023, chị **B** vay 5.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000đ tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 250.000 đồng. Chị **B** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 1.431.507 đồng; Lần 2 vào ngày 29/9/2023, **T** cho chị **B** vay 5.000.000 đồng với cách thức như gói 1. Gói vay này chị **B** mới trả được 06 ngày với số tiền 1.500.000 đồng, số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương với 07 ngày là 580.822 đồng.

8. Chị **Đinh Thị B1** vay 01 lần vào ngày 16/9/2023, chị **B1** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm). **T** thu trước tiền phí gói vay là 500.000 đồng. Gói vay này chị **B2** mới trả được 16 ngày với số tiền 8.000.000 đồng, tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương với 20 ngày là 2.390.411 đồng.

9. Chị **Cao Thị Thùy T3** vay 2 lần: Lần 1 vào ngày 04/9/2023, chị **T3** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 500.000 đồng. Chị **T3** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng; Lần 2 vào ngày 26/9/2023, chị **T2** vay 10.000.000 đồng, cách thức vay như gói 1. Gói vay này chị **T3** mới trả được 09 ngày với số tiền 4.500.000 đồng, số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương với 10 ngày là 1.445.205 đồng.

10. Chị **Phan Thị H2** vay 01 lần vào ngày 02/10/2023, chị **H2** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 800.000 đồng. Chị **H2** mới trả được 05 ngày với số tiền 2.500.000 đồng, số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương 05 ngày là 1.272.603 đồng.

11. Chị **Dương Thị Bình H3** vay 01 lần vào ngày 16/4/2023, chị **H3** vay 6.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 300.000 đồng. Chị **H3** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 1.717.808 đồng.

12. Chị **Trần Thị Hồng M1** vay 01 lần vào ngày 02/5/2023, chị **M1** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 500.000 đồng. Chị **M1** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng.

13. Chị **Nguyễn Thị Kim H4** vay 01 lần vào ngày 29/4/2023, chị **H4** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000đ tiền gốc và tiền lãi

(tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 700.000 đồng. Chị **H4** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 3.063.014 đồng

14. Chị **Nguyễn Thị Lệ T4** vay 01 lần vào ngày 26/4/2023, chị **T4** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 500.000 đồng. Chị **T4** mới trả được 03 ngày với số tiền 1.500.000 đồng, số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương 25 ngày theo thỏa thuận là 2.863.014 đồng.

15. Chị **Nguyễn Thị H5** vay 01 lần vào ngày 01/6/2023, chị **H5** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 1.000.000 đồng. Chị **H5** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng

16. Chị **Trần Thị Thanh V** vay 01 lần vào ngày 10/6/2023, chị **V** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 500.000 đồng. Chị **V** mới trả được 08 ngày với số tiền 4.000.000 đồng, số tiền **T** thu lợi bất chính được tính tương đương với 25 ngày theo thỏa thuận là 2.863.014 đồng.

17. Chị **Nguyễn Thị L** vay 01 lần vào ngày 10/6/2023, chị **L** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 1.000.000 đồng. Chị **L** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

18. Chị **Nguyễn Thị Ngọc H6** vay 01 lần vào ngày 23/6/2023, chị **H6** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 1.000.000 đồng. Chị **H6** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng

19. Chị **Nguyễn Thị Thúy H7** vay 03 lần: Lần 1 vào đầu tháng 3/2023, chị **H7** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), **T** thu trước tiền phí gói vay là 500.000 đồng. Chị **H7** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng; Lần 2 vào đầu tháng 4/2023, chị **H7** vay 10.000.000 đồng cách thức như gói 1. Chị **H7** đã trả xong gói vay, số tiền **T** thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng; Lần 3 vào ngày 05/7/2023, chị **H7** vay 10.000.000 đồng cách thức như gói 1. Gói vay này chị **H7** đã trả 20 ngày với 10.000.000 đồng, số tiền

T thu lợi bất chính được tính tương đương 25 ngày theo thỏa thuận là 2.863.014 đồng

20. Chị **Trần Thị H8** vay hai lần: Lần 1 vào tháng 7/2023, chị **H8** vay 20.000.000đ, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), T thu trước tiền phí gói vay là 1.000.000 đồng. Chị **H8** đã trả xong gói vay, số tiền T thu lợi bất chính là 5.726.027 đồng. Lần 2: Ngày 05/8/2023, chị **H8** vay 20.000.000 đồng cách thức như gói 1. Gói vay này chị **H8** đã trả 14 ngày với số tiền 14.000.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính được tính tương đương 25 ngày theo thỏa thuận là 5.726.027 đồng.

21. Chị **Hoàng Thị Lan H9** vay 01 lần vào ngày 29/8/2023, chị **H9** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), T thu trước tiền phí gói vay là 700.000 đồng. Chị **H9** mới trả được 15 ngày với số tiền 7.500.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính được tính tương đương 25 ngày theo thỏa thuận là 3,063.014 đồng.

22. Chị **Hoàng Lê Thanh H10** vay 01 lần tiền vào ngày 04/7/2023, chị **H10** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), T thu trước tiền phí gói vay là 1.000.000 đồng. Chị **H10** đã trả xong gói vay, số tiền T thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

23. Chị **Trần Thị Hồng V1** vay 01 vay một lần vào ngày 04/7/2023, chị **V1** vay 10.000.000 đồng, trả góp đủ 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tương ứng với lãi suất cho vay là 365%/1 năm), T thu trước tiền phí gói vay là 1.000.000 đồng. Chị **V1** đã trả xong gói vay, số tiền T thu lợi bất chính là 3.363.014 đồng.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 10-4-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

HYPERLINK
"https://trolyao.toaan.gov.vn/37%20/o%20Th%C6%B0%C6%A1%CC%80ng"
thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Kim T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Kim T** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; được trừ thời hạn đã tạm giữ từ ngày 05/10/2023 đến ngày 13/10/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng nghị:

Tại Quyết định kháng nghị số 28/QĐ-VC2 ngày 09-5-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị phần hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự sửa bản án hình sự sơ thẩm, buộc bị cáo **T** chấp hành hình phạt 18 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS – ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá và tổng hợp với hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024 ngày 10-4-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên kháng nghị. Nêu căn cứ kháng nghị là bị cáo **T** chấp hành bản án 29/2020/HS – ST ngày 06/7/2020 đến ngày 06-7-2023 là hết thời hạn thử thách án treo. Từ đầu năm 2023 đến ngày 06-7-2023 bị cáo **T** đã cho 11 người vay với 13 lần vay với mức lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự; số tiền thu lãi bất chính là 22.023.286 đồng và tiền phí thu trước là 9.000.000 đồng, tổng cộng là 31.023.286 đồng (có bản kê chi tiết kèm theo kháng nghị); đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, nên bị cáo **T** đã phạm tội mới trong thời gian thử thách án treo. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự thì buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 18 tháng tù của bản án 29/2020/HS – ST ngày 06/7/2020 và tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù của bản án hình sự số 17/2024 ngày 10-4-2024 này.

Bị cáo **T** không có ý kiến tranh luận, xin được xem xét mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Kim T** không có khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Bị cáo **Nguyễn Kim T** thừa nhận từ đầu năm 2023 đến ngày 05/10/2023, bị cáo đã cho 23 người vay tiền với 34 lần vay, tổng số tiền cho vay là 401.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 101.590.411 đồng (gồm: Tiền lãi bất chính 77.790.411 đồng, tiền phí 23.800.000 đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ căn cứ khẳng định bị cáo cho vay với mức lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật [HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/11%20/o%20D%C3%A2n%20n%C3%A0m%202015"](https://trolyao.toaan.gov.vn/11%20/o%20D%C3%A2n%20n%C3%A0m%202015) dân năm 2015. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp; bị cáo không có kháng cáo.

Tại Bản án số 29/2020/HS – ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xử phạt bị cáo 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/7/2020 về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Như vậy, bị cáo chưa được xóa án tích nên phải áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3] Xem xét kháng nghị:

Tại Bản án số 29/2020/HS – ST ngày 06-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xử phạt bị cáo **Nguyễn Kim T** 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/7/2020 về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”; đến ngày 06/7/2023 thì bị cáo chấp hành xong thời hạn thử thách án treo.

Trong thời chấp hành thử thách của án treo tại Bản án số 29/2020/HS – ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá thì bị cáo có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể từ đầu năm 2023 đến ngày 06/7/2023 (ngày hết thời gian thử thách của án treo) bị cáo **T** cho 11 người vay với lãi suất 365%/năm, thu lợi bất chính 31.023.286 đồng (theo bản kê cụ thể tính đến hết ngày 05/7/2023 kèm theo Kháng nghị); trong đó, số

tiền thu lãi bất chính là 22.023.286 đồng và tiền phí thu trước là 9.000.000 đồng, tổng cộng là 31.023.286 đồng; số tiền này đã được điều tra làm rõ và đã được nêu trong cáo trạng truy tố và bản án sơ thẩm, tuy nhiên đến phần tính cộng riêng ra thì bản án sơ thẩm chỉ xác định 26.431.057 đồng là chưa chính xác. Như vậy, với mức thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, nên bị cáo T đã phạm tội mới trong thời gian thử thách án treo. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự thì buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 18 tháng tù của bản án 29/2020/HS – ST ngày 06/7/2020 và tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù của bản án hình sự số 17/2024 ngày 10-4-2024 này. Kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, buộc bị cáo Nguyễn Kim T phải chấp hành hình phạt của hai bản án.

[4] Các nội dung khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 10-4-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, về phần tổng hợp hình phạt.

2. Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật H sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim T 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; được trừ thời hạn đã tạm giữ từ ngày 05-10-2023 đến ngày 13-10-2023.

3. Áp dụng khoản 5 Điều 65, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Kim T phải chấp hành hình phạt 18 tháng tù của Bản án 29/2020/HS – ST ngày 06-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; tổng hợp hình phạt của hai Bản án buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 24 (hai mươi bốn) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ từ ngày 05-10-2023 đến ngày 13-10-2023.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày có hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKS ND tỉnh Quảng Bình
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long

